

BẢN CÔNG BỐ

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành

Kính gửi: Sở Y tế Đắk Lắk

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên

Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh: 0105/ĐL-GPHĐ, do Sở Y tế Đắk Lắk cấp ngày 31 tháng 7 năm 2018.(Được gia hạn theo Công văn số 4363/SYT-NVYD ngày 26/12/2022 của Sở Y tế Đắk Lắk về việc gia hạn giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối với BVĐK vùng Tây Nguyên).

Địa chỉ: 184 Trần Quý Cáp, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: BSCKII. Nguyễn Đăng Giáp (theo Công văn số: 3921/SYT-NVYD ngày 02/12/2023 của Sở Y tế Đắk Lắk về việc điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh tạm thời đối với BVĐK vùng Tây Nguyên).

Điện thoại liên hệ: 02623.852.659 Email: bvdkvtn@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 96/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

- Đối tượng hướng dẫn thực hành: Bác sĩ chuyên khoa: Nội khoa, Ngoại khoa (Ngoại Tổng quát, Ngoại Thần kinh, Ngoại Tiết niệu, Chấn thương chỉnh hình), Sản phụ khoa, Nhi khoa, Ung bướu, Gây mê hồi sức, Tai Mũi họng, Mắt, Răng hàm mặt, Phục hồi chức năng, Y học cổ truyền, Truyền nhiễm, Chẩn đoán hình ảnh và Nội soi.
- Danh sách người hướng dẫn thực hành: 157 người (phụ lục 1 đính kèm)
- Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác(nếu có): Không
- Số lượng người có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành: 785 người

STT	Đối tượng thực hành	Số người hướng dẫn thực hành	Số người có thể tiếp nhận
1.	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Nội Khoa.	25	125
2.	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Ngoại khoa (Ngoại tổng hợp)	18	90
3.	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Ngoại thần kinh	03	15
4.	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Ngoại Thận tiết niệu	02	10
5.	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Ngoại Chấn thương chỉnh hình,	02	10
6.	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Sản phụ khoa	15	75
7.	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Nhi Khoa	38	190
8.	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Ung Bướu	07	35

9.	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Gây mê hồi sức	05	25
10.	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Tai Mũi Họng	06	30
11.	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Mắt	06	30
12.	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Răng Hàm Mặt	02	10
13.	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Phục hồi chức năng	01	05
14.	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Y học Cổ Truyền	06	30
15.	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Truyền nhiễm	01	05
16.	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Chẩn đoán hình ảnh, Thăm dò chức năng (Siêu âm)	18	90
17.	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Nội soi	02	10
	Tổng số	157	785

5. Chi phí hướng dẫn thực hành: 1.500.000 đồng/người/tháng

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Tài liệu gửi kèm theo Bản công bố: Kế hoạch triển khai hướng dẫn thực hành để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh bác sĩ chuyên khoa tại Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc (để biết);
- Lưu: VT, KH-QLCL.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đăng Giáp

PHỤ LỤC I
DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

(Ban hành kèm theo bản công bố số /BVVTN-KHQLCL ngày tháng 4 năm 2025 của giám đốc Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên về công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành)

STT	Họ và tên	Văn bằng chuyên môn	Số giấy phép hành nghề/chứng chỉ hành nghề (*)	Phạm vi hoạt động chuyên môn ghi trên giấy phép hành nghề/ chứng chỉ hành nghề (**)	Khoa thực hành
1.	Cao Hữu Vinh	BS.CKII	000977/ĐL-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Nội. KBCB Nội Thần Kinh	Khoa Nội tổng hợp
2.	Phạm Phú Anh	BS.CKII	000598/ĐL-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Nội	Khoa Nội tổng hợp
3.	Kim Minh Hải	BS.CKI	000623/ĐL-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh Nội khoa	Khoa Nội tổng hợp
4.	H Wem Niê Kdăm	BS.CKI	000086/ĐNO-CCHN	Khám và chữa bệnh Nội khoa	Khoa Nội tổng hợp
5.	Y Sa Muel BKrông	BS.CKI	004939/ ĐL-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh Nội khoa	Khoa Nội tổng hợp
6.	Đoàn Ngọc Thương	BS.CKI	002676/ ĐL-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh Nội khoa	Khoa Nội tổng hợp
7.	Nguyễn Minh Cường	BS.CKI	008019/ ĐL-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh Nội khoa	Khoa Nội tổng hợp
8.	Ngô Thị Hiền	BS	000191/ĐL-GPHN	Chuyên khoa Nội khoa	Khoa Nội tổng hợp
9.	Nguyễn Nhi Phúc	BS	000100/ĐL-GPHN	Chuyên khoa Nội khoa	Khoa Nội tổng hợp
10.	Nguyễn Thị Hồng Duyên	BS	010581/ĐL-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh Nội khoa	Khoa Nội tổng hợp
11.	Nguyễn Văn Hùng	BS.CKI	006388/ĐL-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh Nội khoa	Khoa Nội tổng hợp
12.	Trần Hoàng Hải	BS.CKI	007390/ĐL-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh Nội khoa	Khoa Nội tổng hợp
13.	Hà Thị Thảo	BS	010366/ĐL-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh Nội khoa	Khoa Nội tổng hợp
14.	Nguyễn Thị Thời	BS	010366/ĐL-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh Nội khoa	Khoa Nội tổng hợp
15.	Đặng Trần Thông	BS	000359/ĐL-GPHN	Chuyên khoa Nội khoa	Khoa Nội tổng hợp
16.	Đàm Hoàng Ánh	BS	010269/ĐL-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh Nội khoa	Khoa Nội tổng hợp
17.	Ngô Văn Hùng	BS.CKII	000966/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	Nội Tim mạch
18.	Ngô Đăng Trình	BS.CKII	001113/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	Nội Tim mạch
19.	Phạm Thị Thúy Ngọc	BS.CKI	003792/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	Nội Tim mạch
20.	Trương Công Minh	Th.Bs	002863/TTH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn Khám bệnh, chữa Nội khoa	Nội Tim mạch
21.	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	BS.CKI	003791/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	Nội Tim mạch
22.	Nông Hữu Hoan	BS.CKI	005935/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	Nội Tim mạch
23.	Vũ Văn Trường Thắng	BS.CKI	001189/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	Nội Tim mạch
24.	Phan Thị Thùy Linh	BS	010647/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	Nội Tim mạch
25.	Trịnh Thị Ngọc	BS.CKI	010647/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	Nội Tim mạch
26.	Đào Anh Dũng	BS.CKII	000338/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Khoa Ngoại Tổng hợp
27.	Nguyễn Việt Phương	BS.CKII	000572/ĐL- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Khoa Ngoại Tổng hợp

28.	Nguyễn Xuân Thảo	BS.CKII	002360/ĐL- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Khoa Ngoại Tổng hợp
29.	Cao Mạnh Hùng	BS.CKII	002873/ĐL -CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Khoa Ngoại Tổng hợp
30.	Trần Thế Vinh	BS.CKI	001116/ĐNO- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Khoa Ngoại Tổng hợp
31.	Lê Văn Quang	BS.CKI	000184/ĐL- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Khoa Ngoại Tổng hợp
32.	Nguyễn Quang Trung	BS.CKI	003675/ĐL- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Khoa Ngoại Tổng hợp
33.	Trần Minh Châu	Th.Bs	002972 /ĐL- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Khoa Ngoại Tổng hợp
34.	Ngô Xuân Lộc	BS.CKI	008168/ĐL - CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Khoa Ngoại Tổng hợp
35.	Nguyễn Duy	Th.Bs	008944/ĐL- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Khoa Ngoại Tổng hợp
36.	Nguyễn Việt Bình	BS	010024/ĐL- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Khoa Ngoại Tổng hợp
37.	Đặng Văn Hoàng	BS	010072 /ĐL -CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Khoa Ngoại Tổng hợp
38.	Trần Công Minh	BS	010353/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Khoa Ngoại Tổng hợp
39.	Trần Mạnh Tuấn	BS	010383/ĐL- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Khoa Ngoại Tổng hợp
40.	Đặng Quang Phương	BS	010418/ĐL- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Khoa Ngoại Tổng hợp
41.	Trần Đình Đức	BS	000198/ĐL- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Khoa Ngoại Tổng hợp
42.	Hồ Sỹ Thành	BS	000412/ĐL- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Khoa Ngoại Tổng hợp
43.	Nguyễn Thanh Tùng	BS	010345/ĐL- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Khoa Ngoại Tổng hợp
44.	Lâm Bội Đức	BS.CKII	006479/ĐL-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Ngoại Thần kinh	Khoa Ngoại Thần kinh
45.	Lê Hữu Hoàng	BS.CKI	007124/ĐL-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Ngoại Thần kinh	Khoa Ngoại Thần kinh
46.	Phạm Ngọc Trí	BS.CKI	007238/ĐL-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Ngoại Thần kinh	Khoa Ngoại Thần kinh
47.	Nguyễn Ngọc Hoàng	BS.CKII	002974ĐL/ CCHN.	Khám chữa bệnh chuyên khoa ngoại -tiết niệu	Khoa Ngoại Thận tiết niệu
48.	Hong Quốc Cường	BS	009753/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại thận - Tiết niệu	Khoa Ngoại Thận tiết niệu
49.	Ka Nông Y Sen	BS.CKI	002808/ĐL-CCHN	Khám chữa bệnh Ngoại Chấn thương chỉnh hình	Khoa Chấn thương chỉnh hình
50.	Vũ Đặng Thanh	BS.CKII	006575/ĐL-CCHN	Khám chữa bệnh Ngoại Chấn thương chỉnh hình	Khoa Chấn thương chỉnh hình
51.	Trần Ngọc Thắng	BS.CKII	000530/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phụ Sản - KHHGD	Khoa Phụ Sản
52.	Lê Thị Ánh Nguyệt	BS.CKII	000055/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phụ Sản - KHHGD	Khoa Phụ Sản
53.	Y Mía Knul	BS.CKI	000714/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phụ Sản - KHHGD	Khoa Phụ Sản
54.	H Diana Niê Bdap	BS.CKI	000158/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phụ Sản - KHHGD	Khoa Phụ Sản
55.	H Lê Na Êban	BS.CKI	020505/HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản Phụ Khoa	Khoa Phụ Sản
56.	Hồ Biên Cương	BS.CKI	006440/ĐL-CCHN	Khám và điều trị bệnh Sản Phụ Khoa	Khoa Phụ Sản
57.	Trần Ngọc Thùy	BS.CKI	008406/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Sản Phụ Khoa	Khoa Phụ Sản
58.	Ngô Tấn Toàn	BS.CKI	008437/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Sản Phụ Khoa	Khoa Phụ Sản

59.	Lưu Thị Kim Oanh	BS	001602/ĐNO-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản Phụ Khoa	Khoa Phụ Sản
60.	Lê Hoài Phương Thảo	BS	009571/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản Phụ Khoa	Khoa Phụ Sản
61.	Nguyễn Quốc Ưu	BS	010450/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản Phụ Khoa	Khoa Phụ Sản
62.	Phan Trinh Mỹ	BS	010537/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản Phụ Khoa	Khoa Phụ Sản
63.	Nguyễn Đức Phú	BS	010707/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản Phụ Khoa	Khoa Phụ Sản
64.	Nguyễn Thị Trang	BS	010536/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản Phụ Khoa	Khoa Phụ Sản
65.	Lương Thị Thanh Vân	BS	010629/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản Phụ Khoa	Khoa Phụ Sản
66.	Hoàng Ngọc Anh Tuấn	BS.CKII	000016/ĐL-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên Nhi khoa	Khoa Hồi sức cấp cứu Nhi – Sơ sinh
67.	Nguyễn Đức Toàn	BS.CKII	000680/ĐL-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Hồi sức cấp cứu Nhi – Sơ sinh
68.	H' El Êban	BS.CKII	000721/ĐL-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Hồi sức cấp cứu Nhi – Sơ sinh
69.	Nguyễn Ngọc Hồng Nga	BS.CKI	004251/ĐL-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Hồi sức cấp cứu Nhi – Sơ sinh
70.	Nguyễn Tiến Dũng	BS	007974/ĐL-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Hồi sức cấp cứu Nhi – Sơ sinh
71.	Lê Hữu Tú	BS	009638/ĐL-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Hồi sức cấp cứu Nhi – Sơ sinh
72.	Phạm Quang Vinh	BS	009813/ĐL-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Hồi sức cấp cứu Nhi – Sơ sinh
73.	Nguyễn Văn Chiến	ThS.BS	010467/ĐL - CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Hồi sức cấp cứu Nhi – Sơ sinh
74.	Lang Văn Sao	BS	003090/ĐNO CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Hồi sức cấp cứu Nhi – Sơ sinh
75.	Lê Thị Thu Vân	BS.CKI	005572/ĐL-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Hồi sức cấp cứu Nhi – Sơ sinh
76.	Văn Thị Xưa	BS.CKI	002740/ĐL-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên Nhi khoa	Khoa Hồi sức cấp cứu Nhi – Sơ sinh
77.	Trần Thị Thúy Minh	TS.BS	000485/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Nhi Tổng hợp
78.	Đặng Việt Nam	BS.CKII	003831/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nhi khoa	Khoa Nhi Tổng hợp
79.	Mai Thị Thanh Xuân	BS.CKI	002454/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nhi khoa	Khoa Nhi Tổng hợp
80.	Ngô Văn Thọ	BS	007728/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nhi khoa	Khoa Nhi Tổng hợp
81.	Hồ Quang Duy	BS	009982/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Nhi Tổng hợp
82.	H' Thu Mlô	BS.CKI	002708/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nhi khoa	Khoa Nhi Tổng hợp
83.	Nguyễn Văn Mỹ	BS.CKII	000718/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Nhi Tổng hợp
84.	Lê Thị Bích Phượng	BS.CKI	000592/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nhi khoa	Khoa Nhi Tổng hợp
85.	Đặng Thị Ngọc Hoan	BS	010016/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Nhi Tổng hợp
86.	Lê Thị Việt Trinh	BS.CKI	008948/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Nhi Tổng hợp
87.	Trần Đình Tiến	BS	010635/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Nhi Tổng hợp
88.	Trương Thị Thùy Linh	BS	008387/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nhi khoa	Khoa Nhi Tổng hợp
89.	Lê Từ Tuấn	BS	009478/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nhi khoa	Khoa Nhi Tổng hợp
90.	Phan Thị Hồng Hạnh	BS	008937/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Nhi Tổng hợp
91.	Nguyễn Anh Tú	BS	010634/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Nhi Tổng hợp
92.	Nguyễn Hoàng Linh	BS.CKI	007959/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nhi khoa	Khoa Nhi Tổng hợp
93.	Y Môn Bĩa	BS	009696/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Nhi Tổng hợp
94.	Nguyễn Thị Diễm	BS	010073/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Nhi Tổng hợp
95.	Trần Thị Dung	BS	008521/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nhi khoa	Khoa Nhi Tổng hợp
96.	Mai Ngọc Vũ	Th.Bs	006901/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Nhi Tổng hợp

97.	Hoàng Minh Trí	BS	010048/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Nhi Tổng hợp
98.	Hoàng Văn Thế	BS	005430/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nhi khoa	Khoa Nhi Tổng hợp
99.	Nguyễn Thị Hồng Bích	Th.Bs	009996/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Nhi Tổng hợp
100.	Nguyễn Thị Thanh Thảo	BS	010112/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khoa Nhi Tổng hợp
101.	Huỳnh Thị Bích Như	BS.CKI	005490/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nhi khoa	Khoa Nhi Tổng hợp
102.	Bạch Thanh Dương	BS.CKI	006296/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nhi khoa	Khoa Nhi Tổng hợp
103.	Nguyễn Nay Ngân	BS.CKI	007912/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nhi khoa	Khoa Nhi Tổng hợp
104.	Bùi Quốc Hương	BS.CKII	002897/ĐL - CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Ung bướu	Khoa Ung bướu
105.	Huỳnh Thị Như Huệ	BS.CKI	002896/ĐL - CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Ung bướu	Khoa Ung bướu
106.	Đào Đình Nhu	BS.CKI	005388/ĐL - CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Ung bướu	Khoa Ung bướu
107.	Nguyễn Việt Luân	BS.CKI	003842/ĐL - CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Ung bướu	Khoa Ung bướu
108.	Phạm Thị Hồng Hải	BS.CKI	003632/ĐL - CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Ung bướu	Khoa Ung bướu
109.	Hồ Ngọc Sơn	BS.CKI	008377/ĐL - CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Ung bướu	Khoa Ung bướu
110.	Lâm Thị Mỹ Hà	BS.CKI	008842/ĐL - CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Ung bướu	Khoa Ung bướu
111.	Bùi Ngọc Đức	BS.CKII	001102/ĐL-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Gây mê hồi sức	Khoa Phẫu thuật - Gây mê hồi sức
112.	Huỳnh Quang Cảnh	BS.CKI	001173/ĐL-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Gây mê hồi sức	Khoa Phẫu thuật - Gây mê hồi sức
113.	Trần Thị Liễu	BS.CKII	002573/ĐL-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Gây mê hồi sức	Khoa Phẫu thuật - Gây mê hồi sức
114.	Phạm Bá Thi	BS.CKI	006905/ĐL-CCHN	Khám chữa bệnh Gây mê hồi sức	Khoa Phẫu thuật - Gây mê hồi sức
115.	Ngô Thị Phương Thảo	BS.CKI	005486/ĐL-CCHN	Chuyên khoa Gây mê hồi sức	Khoa Phẫu thuật - Gây mê hồi sức
116.	Võ Nguyễn Hoàng Khôi	BS.CKII	000161/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	Khoa Tai Mũi Họng
117.	Đinh Hoàng Anh	BS	002849/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	Khoa Tai Mũi Họng
118.	Võ Hải Nguyên	BS.CKI	008635/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	Khoa Tai Mũi Họng
119.	Lục Công Dương	BS.CKI	002851/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	Khoa Tai Mũi Họng
120.	Phùng Minh Hoàng Anh	Th.Bs	008301/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	Khoa Tai Mũi Họng
121.	Trần Thanh Vi	Th.Bs	008909/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	Khoa Tai Mũi Họng
122.	Ngô Văn Cường	BS.CKII	000298/ĐL-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh CK Mắt	Khoa Mắt
123.	Trần Thị Như Anh	BS.CKII	000625/ĐL-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Mắt	Khoa Mắt
124.	Lê Thị Thanh Phúc	BS.CKI	007701/ĐL-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Mắt	Khoa Mắt
125.	Nguyễn Thanh Hằng	BS.CKI	007659/ĐL-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Mắt	Khoa Mắt
126.	Phan Thị Bảo Vi	BS.CKI	006010/ĐL-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Mắt	Khoa Mắt
127.	Vũ Thị Hà	BS.CKI	008530/ĐL-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Mắt	Khoa Mắt
128.	Huỳnh Văn Lộc	BS.CKI	000750/ĐL- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh CK PHCN	Khoa Phục hồi chức năng
129.	Phạm Hồng Lâm	BS.CKI	000173/ĐL- CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Nội, bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Truyền nhiễm	Khoa Truyền nhiễm
130.	Lê Thanh Định	BS.CKI	007502/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chẩn đoán hình ảnh- đọc CT- Scanner	Khoa Chẩn đoán hình ảnh
131.	Bùi Thanh Hải	BS.CKI	000726/ĐL-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	Khoa Chẩn đoán hình ảnh

132.	Bùi Văn Tùng	BS.CKI	00137/ĐL-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	Khoa Chẩn đoán hình ảnh
133.	Bùi Thanh Tuấn	BS.CKI	000124/ĐL-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	Khoa Chẩn đoán hình ảnh
134.	Nguyễn Trường Thi	BS.CKI	000701/ĐL-CCHN	Chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh	Khoa Thăm dò chức năng
135.	Hoàng Văn Long	BS	009805/ĐL-CCHN	Chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh	Khoa Thăm dò chức năng
136.	Phan Thị Nhã Thi	BS.CKI	008196/ĐL-CCHN	Siêu âm bụng tổng quát; siêu âm tim	Khoa Thăm dò chức năng
137.	Hà Văn Hùng	BS	000692/ĐL-CCHN	Chuyên khoa siêu âm	Khoa Thăm dò chức năng
138.	Lưu Thị Khánh Ly	BS.CKI	008811/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa- Siêu âm	Khoa Thăm dò chức năng
139.	Ngô Thị Thanh Hòa	BS.CKI	000711/ĐL-CCHN	Chuyên khoa siêu âm	Khoa Thăm dò chức năng
140.	Lê Quốc Diệp	BS.CKI	000704/ĐL-CCHN	Chuyên khoa Siêu âm	Khoa Thăm dò chức năng
141.	H Lát Niê	BS	008794/ĐL-CCHN	Chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh	Khoa Thăm dò chức năng
142.	Hoàng Trang Hoài Vy	BS.CKI	007361 /ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh siêu âm tổng quát	Khoa Thăm dò chức năng
143.	Lê Thị Lan Anh	BS	008814 /ĐL-CCHN	Chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh	Khoa Thăm dò chức năng
144.	Nguyễn Tiến Đức	BS	009806 /ĐL-CCHN	Khám bệnh , chữa bệnh chuyên khoa siêu âm	Khoa Thăm dò chức năng
145.	Trần Ngọc Phi	BS	009241 /ĐL-CCHN	Siêu âm chẩn đoán, điện tim	Khoa Thăm dò chức năng
146.	Trần Song Long Phụng	BS.CKI	008405 /ĐL-CCHN	Siêu âm tổng quát ;Siêu âm sản phụ khoa; Chẩn đoán hình ảnh	Khoa Thăm dò chức năng
147.	Nguyễn Đỗ Mai Thảo	BS.CKI	007190/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa; Siêu âm tổng quát	Khoa Thăm dò chức năng
148.	Hồ Thị Kim Chi	BS.CKII	003819/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội soi	Khoa Nội Soi
149.	Nguyễn Ngọc Trân	BS.CKII	000636/ĐL-CCHN	Chuyên khoa Nội soi	Khoa Nội Soi
150.	Nguyễn Thị Anh Phương	BS.CKII	000662/ĐL-CCHN	Khám bệnh,chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	Khoa Răng hàm mặt
151.	Đặng Văn Trí	BS.CKII	0003655/ĐL-CCHN	Khám bệnh,chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	Khoa Răng hàm mặt
152.	Tạ Văn Nhạn	BS.CKI	000238/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	Khoa Y học cổ truyền
153.	Phan Thị Mỹ Sương	BS.CKII	008496/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	Khoa Y học cổ truyền
154.	Nguyễn Thị Phương Thanh	BS.CKI	007182/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	Khoa Y học cổ truyền
155.	Nguyễn Thị Thùy Dung	BS.CKI	009466/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	Khoa Y học cổ truyền
156.	Trần Thị Thu Thúy	BS.CKI	009586/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	Khoa Y học cổ truyền
157.	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	BS.CKI	0009893/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	Khoa Y học cổ truyền

KẾ HOẠCH

Triển khai hướng dẫn thực hành để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa tại Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức hoạt động và cơ sở vật chất, các điều kiện hiện có của Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên, Bệnh viện ban hành Kế hoạch triển khai hướng dẫn thực hành để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa như sau:

1. Mục đích, yêu cầu:

Triển khai thực hiện hướng dẫn thực hành để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho người có nhu cầu thực hành lại để cấp Giấy phép hành nghề chuyên khoa, đảm bảo điều kiện tiếp nhận hướng dẫn thực hành cho các chức danh bác sĩ với các chuyên khoa đang có tại Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên theo quy định của pháp luật.

Các khoa, phòng trực thuộc tại Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp triển khai thực hiện và xác nhận thời gian thực hành để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho người thực hành theo quy định của pháp luật.

Người thực hành thực hiện nghiêm túc các quy chế, quy định của Bệnh viện; phải tuyệt đối tuân thủ theo hướng dẫn của người hướng dẫn thực hành. Người thực hành phải bảo đảm hoàn thành đầy đủ nội dung thực hành và bảo đảm đủ thời gian thực hành theo quy định.

Học viên sau quá trình thực hành có khả năng thực hiện các khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc người bệnh và kê đơn thuốc an toàn và hiệu quả.

2. Đối tượng áp dụng:

- Bác sĩ đã được cấp giấy phép hành nghề hoặc chứng chỉ hành nghề mà trong phạm vi hành nghề chưa có chuyên khoa hoặc đã có chuyên khoa nhưng đề nghị đổi hoặc điều chỉnh, bổ sung thêm chuyên khoa khác so với chuyên khoa đã được cấp trong phạm vi hành nghề và đã được cấp văn bằng chuyên khoa tương ứng nhưng không nộp hồ sơ đề nghị đổi hoặc điều chỉnh, bổ sung giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng chuyên khoa.

- Bác sĩ đã được cấp giấy phép hành nghề hoặc chứng chỉ hành nghề nhưng mà trong phạm vi hành nghề chưa có chuyên khoa hoặc đã có chuyên khoa nhưng đề nghị điều chỉnh, bổ sung thêm chuyên khoa khác so với chuyên khoa

đã được cấp trong phạm vi hành nghề và đã được cấp chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản tối thiểu 9 tháng, phải hoàn thành việc thực thành chuyên khoa để tổng thời gian học chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản và thời gian thực hành tối thiểu là 18 tháng.

- Các chuyên khoa thực hành:

- + Nội khoa;
- + Ngoại khoa (Ngoại Tổng quát, Ngoại Thần kinh, Ngoại Tiết niệu, Chấn thương chỉnh hình);
- + Sản Phụ khoa;
- + Nhi khoa;
- + Ung bướu;
- + Gây mê hồi sức;
- + Tai Mũi họng ;
- + Mắt;
- + Răng hàm mặt;
- + Phục hồi chức năng;
- + Y học cổ truyền;
- + Truyền Nhiễm;
- + Chẩn đoán hình ảnh;
- + Nội soi.

3. Thời gian và địa điểm thực hành:

3.1. Thời gian thực hành:

* Thời gian thực hành **12 tháng**: đối với Bác sĩ đã được cấp giấy phép hành nghề hoặc chứng chỉ hành nghề mà trong phạm vi hành nghề chưa có chuyên khoa hoặc đã có chuyên khoa nhưng đề nghị đổi hoặc điều chỉnh, bổ sung thêm chuyên khoa khác so với chuyên khoa đã được cấp trong phạm vi hành nghề và đã được cấp văn bằng chuyên khoa tương ứng nhưng không nộp hồ sơ đề nghị đổi hoặc điều chỉnh, bổ sung giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng chuyên khoa.

* Thời gian thực hành **tối đa 09 tháng**: đối với Bác sĩ đã được cấp giấy phép hành nghề hoặc chứng chỉ hành nghề nhưng mà trong phạm vi hành nghề chưa có chuyên khoa hoặc đã có chuyên khoa nhưng đề nghị điều chỉnh, bổ sung thêm chuyên khoa khác so với chuyên khoa đã được cấp trong phạm vi hành nghề và đã được cấp chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản tối thiểu 9 tháng.

Khung chương trình thực hành cụ thể như sau: (*Phụ lục 1 đính kèm*).

3.2. Địa điểm thực hành: Các khoa lâm sàng, cận lâm sàng thuộc Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên.

4. Quy định đối với người hướng dẫn thực hành:

4.1. Người hướng dẫn thực hành phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Có chứng chỉ hành nghề có phạm vi hoạt động chuyên môn phù hợp với văn bằng của người thực hành.

- Có trình độ đào tạo tương đương hoặc cao hơn người thực hành và có thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh liên tục từ 3 năm trở lên.

4.2. Trách nhiệm của người hướng dẫn thực hành:

- Tuân thủ sự phân công hướng dẫn thực hành của Giám đốc Bệnh viện hoặc người được Giám đốc ủy quyền.

- Hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh cho người thực hành. Trường hợp vượt quá khả năng chuyên môn hoặc có lý do chính đáng khác, người hướng dẫn thực hành được từ chối hướng dẫn thực hành và phải báo cáo Giám đốc Bệnh viện.

- Bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành. Chịu trách nhiệm trong trường hợp người thực hành gây sai sót chuyên môn trong quá trình thực hành, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người bệnh do lỗi của người thực hành trừ trường hợp do người thực hành cố ý.

- Theo dõi, đánh giá và nhận xét về kết quả thực hành của người thực hành theo nội dung đã được phân công và chịu trách nhiệm về nội dung nhận xét của mình theo mẫu (*Phụ lục 3 đính kèm*).

5. Quy định đối với người thực hành:

- Đăng ký thực hành theo mẫu (*Phụ lục 2 đính kèm*), ký hợp đồng thực hành khám, chữa bệnh khi tham gia thực hành tại Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên.

- Tuân thủ quy định, quy chế chuyên môn của cơ sở thực hành và tuân theo sự hướng dẫn của người hướng dẫn thực hành.

- Bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình thực hành, giữ bí mật thông tin của người bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong quá trình thực hành.

- Người thực hành được ký đơn thuốc, ký tên trong hồ sơ bệnh án điều trị (*trong trường hợp đang làm việc tại bệnh viện và có trong danh sách công bố người làm việc toàn thời gian tại bệnh viện*)

- Thực hiện các nghĩa vụ ghi trong Hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh. Nộp đầy đủ chi phí thực hành khám bệnh, chữa bệnh theo thỏa thuận trong Hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh với cơ sở hướng dẫn thực hành.

- Trường hợp phải dừng thực hành vì lý do thai sản, ốm đau, tai nạn hoặc vì các lý do bất khả kháng khác thì thời gian thực hành được bảo lưu nhưng không quá 12 tháng.

6. Chương trình:

6.1. Nội dung thực hành: Theo khung danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh quy định tương ứng với từng chức danh chuyên khoa, theo Danh mục dịch vụ kỹ thuật các Phụ lục của Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế và được Sở Y tế phê duyệt cho bệnh viện.

6.2. Các hình thức thực hành:

- Kiến tập.
- Trợ giúp thực hành.
- Thực tập trên mô hình.
- Tự tham khảo các tài liệu của Bộ Y tế.
- Tham gia các khóa đào tạo, huấn luyện tại chỗ.
- Thực hành khám bệnh, chữa bệnh theo sự hướng dẫn, giám sát của người hướng dẫn thực hành.

7. Tổ chức thực hiện

7.1. Phòng Kế hoạch – Quản lý chất lượng

- Chủ trì phối hợp các khoa phòng xây dựng khung chương trình, nội dung, danh mục kỹ thuật thực hành khám bệnh, chữa bệnh theo hướng dẫn của Bộ Y tế, phối hợp theo dõi, giám sát chuyên môn về hướng dẫn thực hành tại Bệnh viện đối với các chức danh Bác sĩ chuyên khoa: Nội khoa, Ngoại khoa (Ngoại Tổng quát, Ngoại Thần kinh, Ngoại Tiết niệu, Chấn thương chỉnh hình), Sản Phụ khoa, Nhi khoa, Ung bướu, Gây mê hồi sức, Tai Mũi họng, Mắt, Răng hàm mặt, Phục hồi chức năng, Y học cổ truyền, Truyền nhiễm, Chẩn đoán hình ảnh và Nội soi. Tham mưu Ban giám đốc ban hành khung chương trình hướng dẫn thực hành, công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định và khi có điều chỉnh, thay đổi.

7.2. Phòng Tổ chức cán bộ

- Phối hợp xây dựng nội dung, tổ chức tập huấn kiến thức chung các quy định pháp luật về kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người thực hành khám bệnh, chữa bệnh.

- Hướng dẫn đăng ký, tiếp nhận đơn đề nghị, hồ sơ của người thực hành.

- Thực hiện ký hợp đồng thực hành khám, chữa bệnh cho người thực hành theo quy định tại Điều 7 Nghị định 96/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.

- Tham mưu quyết định phân công người hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh theo quy định.

- Thông báo danh sách người đăng ký thực hành tại Bệnh viện gửi về Sở y tế để theo dõi.

- Theo dõi, giám sát việc chấp hành nội quy, quy định của người thực hành tại Bệnh viện.

- Tổng hợp bản nhận xét kết quả thực hành của các chuyên khoa, khi đủ điều kiện trình Giám đốc cấp Giấy xác nhận quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu (Phụ lục 4 đính kèm).

- Tổng hợp danh sách để đăng tải thông tin người hoàn thành quá trình thực hành trên trang Web của Bệnh viện và Hệ thống quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.

- Phối hợp phòng Tài chính kế toán thực hiện thanh toán chi phí hướng dẫn thực hành theo quy định.

7.3. Phòng Tài chính Kế toán

- Xác định chi phí để hướng dẫn thực hành trên cơ sở lấy thu bù chi; việc hạch toán thu chi, thanh quyết toán phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

- Tổ chức thu học phí: Học phí thu theo quy định của Bệnh viện, được thu 01 lần vào đầu kỳ thực hành hoặc chia làm 2 lần thu vào đầu kỳ và giữa kỳ.

- Thanh toán phụ cấp: Phụ cấp hướng dẫn thực hành được thanh toán cho các cá nhân được phân công hướng dẫn thực hành của các khoa, phòng theo định mức, quy định của Bệnh viện.

7.5. Các khoa, phòng liên quan

- Căn cứ khung chương trình, danh mục kỹ thuật, thời gian thực hành xây dựng nội dung hướng dẫn thực hành chi tiết phù hợp với thực tiễn và quy định của Bộ Y tế.

- Lập danh sách người tham gia hướng dẫn thực hành gửi về phòng Tổ chức cán bộ để tổng hợp.

- Tuân thủ sự phân công về hướng dẫn thực hành của Giám đốc Bệnh viện.

- Tiếp nhận, quản lý, phân công người hướng dẫn thực hành cho học viên theo quy định.

- Nhận xét kết quả thực hành và chịu trách nhiệm về nội dung nhận xét của mình.

Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 818/KH-BVVTN ngày 26/3/2025. Các khoa, phòng nghiêm túc triển khai thực hiện các nội dung theo Kế hoạch này, trong quá trình triển khai nếu có khó khăn, vướng mắc báo cáo Ban giám đốc để kịp thời xử lý./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế (để báo cáo);
- Ban Giám đốc (để biết);
- Các khoa/phòng trực thuộc;
- Trang Web Bệnh viện;
- Lưu: VT, KH-QLCL.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đăng Giáp

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH ĐỀ CẤP GIẤY PHÉP
HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH CHUYÊN KHOA**

I. Đối với Bác sĩ đã được cấp giấy phép hành nghề hoặc chứng chỉ hành nghề mà trong phạm vi hành nghề chưa có chuyên khoa hoặc đã có chuyên khoa nhưng đề nghị đổi hoặc điều chỉnh, bổ sung thêm chuyên khoa khác so với chuyên khoa đã được cấp trong phạm vi hành nghề và đã được cấp văn bằng chuyên khoa tương ứng nhưng không nộp hồ sơ đề nghị đổi hoặc điều chỉnh, bổ sung giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng chuyên khoa:

1. Thời gian thực hành: **12 tháng.**

1.1. Thực hành Hồi sức cấp cứu: Thời gian 03 tháng (bắt buộc), tại Khoa Cấp cứu.

1.2. Thực hành chuyên khoa khám bệnh, chữa bệnh: Thời gian 9 tháng.

- Học viên chọn 01 hoặc hơn 01 khoa trong các khoa phù hợp với văn bằng chuyên khoa được đào tạo, như sau:

STT	TÊN KHOA	GHI CHÚ
I	NỘI KHOA	
1	Khoa Nội tổng hợp	Có thể chọn hơn 01 khoa
2	Khoa Nội tim mạch	
3	Khoa Lão	
II	NGOẠI KHOA	
1	Khoa Ngoại tổng hợp	Chọn 01 khoa phù hợp
2	Khoa Ngoại thần kinh	
3	Khoa Chấn thương chỉnh hình	
4	Khoa Ngoại Thận - Tiết niệu	
III	SẢN PHỤ KHOA	
1	Khoa Phụ sản	
IV	NHI KHOA	
1	Khoa Nhi tổng hợp	Có thể chọn hơn 01 khoa
2	Khoa Hồi sức cấp cứu Nhi-Sơ sinh	
V	GÂY MÊ HỒI SỨC	
1	Khoa Phẫu thuật-Gây mê hồi sức	
VI	UNG BƯỚU	
1	Trung tâm Ung bướu	
VII	TAI MŨI HỌNG	
1	Khoa Tai Mũi Họng	
VIII	MẮT	
1	Khoa Mắt	
IX	RĂNG HÀM MẶT	
1	Khoa Răng hàm mặt	
X	PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	
1	Khoa VLTL-PHCN	

XI	Y HỌC CỔ TRUYỀN	
1	Khoa Y học cổ truyền	
XII	TRUYỀN NHIỄM	
1	Khoa Truyền nhiễm	
XIII	CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	
1	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Có thể chọn hơn 01 khoa
2	Khoa Thăm dò chức năng	
XIV	NỘI SOI	
1	Khoa Nội soi	

2. Nội dung thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh: thực hiện theo các Danh mục dịch vụ kỹ thuật thuộc các Phụ lục: V, VI, VIII, IX của Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 và đã được Sở Y tế phê duyệt cho bệnh viện.

II. Đối với Bác sĩ đã được cấp giấy phép hành nghề hoặc chứng chỉ hành nghề nhưng mà trong phạm vi hành nghề chưa có chuyên khoa hoặc đã có chuyên khoa nhưng đề nghị điều chỉnh, bổ sung thêm chuyên khoa khác so với chuyên khoa đã được cấp trong phạm vi hành nghề và đã được cấp chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản tối thiểu 9 tháng:

1. Thời gian thực hành: **Tối đa 09 tháng** (tùy vào thời gian đào tạo chứng chỉ chuyên khoa cơ bản).

2. Thực hành chuyên khoa khám bệnh, chữa bệnh tương ứng với chứng chỉ chuyên khoa cơ bản đã được đào tạo để tổng thời gian học chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản và thời gian thực hành tối thiểu là 18 tháng, trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng chuyên khoa cơ bản.

- Học viên chọn 01 khoa trong các khoa phù hợp với chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản được đào tạo, như sau:

STT	TÊN KHOA	GHI CHÚ
I	NỘI KHOA	
1	Khoa Nội tổng hợp	Chọn 01 khoa phù hợp
2	Khoa Nội tim mạch	
3	Khoa Lão	
II	NGOẠI KHOA	
1	Khoa Ngoại tổng hợp	Chọn 01 khoa phù hợp
2	Khoa Ngoại thần kinh	
3	Khoa Chấn thương chỉnh hình	
4	Khoa Ngoại Thận - Tiết niệu	
III	SẢN PHỤ KHOA	
1	Khoa Phụ sản	
IV	NHI KHOA	
1	Khoa Nhi tổng hợp	Chọn 01 khoa phù hợp
2	Khoa Hồi sức cấp cứu Nhi-Sơ sinh	
V	GÂY MÊ HỒI SỨC	
1	Khoa Phẫu thuật-Gây mê hồi sức	
VI	UNG BƯỚU	
1	Trung tâm Ung bướu	

VII	TAI MŨI HỌNG	
1	Khoa Tai Mũi Họng	
VIII	MẮT	
1	Khoa Mắt	
IX	RĂNG HÀM MẶT	
1	Khoa Răng hàm mặt	
X	PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	
1	Khoa VLTL-PHCN	
XI	Y HỌC CỔ TRUYỀN	
1	Khoa Y học cổ truyền	
XII	TRUYỀN NHIỄM	
1	Khoa Truyền nhiễm	
XIII	CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH	
1	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Chọn 01 khoa phù hợp
2	Khoa Thăm dò chức năng	
XIV	NỘI SOI	
1	Khoa Nội soi	

Phụ lục 2

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-BVVTN ngày /4/2025 của
Giám đốc BVĐK vùng Tây Nguyên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Thực hành tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số chứng minh nhân dân/Số căn cước công dân/Số căn cước/Số định danh cá nhân/Số hộ chiếu ⁽¹⁾:.....

Ngày cấp Nơi cấp:

Địa chỉ⁽²⁾ :

Điện thoại:Email:

Văn bằng chuyên môn⁽³⁾:Năm tốt nghiệp:.....

Thời gian đăng ký thực hành:

Từ ngàythángnăm..... đến ngày..... thángnăm.....

Để có đủ điều kiện được cấp giấy xác nhận thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh, tôi đề nghị Bệnh viện cho phép và tạo điều kiện cho tôi được thực hành khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Tôi xin cam kết sẽ thực hiện đúng các quy định của pháp luật về thực hành khám bệnh, chữa bệnh và các quy định khác có liên quan của Bệnh viện.

Đã LẮk, ngày tháng năm

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1). Ghi một trong năm thông tin về Số chứng minh nhân dân/Số căn cước công dân/Số căn cước/Số định danh cá nhân/Số hộ chiếu còn hạn sử dụng.

(2). Ghi theo địa chỉ trên Số chứng minh nhân dân/Số căn cước công dân/Số căn cước/Số định danh cá nhân/Số hộ chiếu

(3). Ghi theo văn bằng đào tạo.

Phụ lục 3

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-BVVTN ngày /4/2025 của
Giám đốc BVĐK vùng Tây Nguyên)

BVĐK VÙNG TÂY NGUYÊN
KHOA/PHÒNG:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày tháng năm

PHIẾU NHẬN XÉT
QUÁ TRÌNH THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

1. Người hướng dẫn thực hành:

- Họ và tên:.....
- Số chứng chỉ hành nghề KBCB:.....
- Phạm vi hoạt động chuyên môn:.....
- Khoa, đơn vị làm việc:.....

2. Người thực hành:

- Họ và tên:.....Ngày tháng năm sinh:.....
- Số CMND/ Thẻ căn cước:.....
- Thời gian thực hành: Từ ngày.....tháng.....năm..... đến ngày.....tháng.....năm....
- Chuyên khoa đăng ký thực hành:
- Địa điểm thực hành (ghi tên khoa thực hành):.....

3. Kết quả thực hành:

- Năng lực thực hành chuyên khoa:

.....
.....
.....
.....
.....

- Ý thức, tổ chức kỷ luật trong thời gian thực hành:

.....
.....
.....

TRƯỞNG KHOA

(Ký ghi rõ họ, tên)

NGƯỜI HƯỚNG DẪN

(Ký ghi rõ họ, tên)

Phụ lục 4

SỞ Y TẾ ĐẮK LẮK
BVĐK VÙNG TÂY NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GXNTH-BVVTN

Đắk Lắk, ngày tháng năm

GIẤY XÁC NHẬN HOÀN THÀNH QUÁ TRÌNH THỰC HÀNH

Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên xác nhận:

Họ và tên:
Ngày, tháng, năm sinh:
Địa chỉ cư trú:
Số chứng minh nhân dân/Số căn cước công dân/Số căn cước/Số định danh cá nhân/Số hộ chiếu ⁽¹⁾:.....
Ngày cấp Nơi cấp:
Văn bằng chuyên môn⁽²⁾: Năm tốt nghiệp:.....
Đã thực hành khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa..... tại
Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên, do ⁽³⁾..... hướng dẫn và đạt kết quả như sau:
1. Thời gian thực hành:
Từ ngàythángnăm..... đến ngày..... thángnăm.....
2. Năng lực chuyên môn⁽⁴⁾:

.....
.....
.....
.....

3. Đạo đức nghề nghiệp⁽⁵⁾:

.....
.....
.....
.....

GIÁM ĐỐC

Ghi chú:

- (1). Ghi một trong năm thông tin về Số chứng minh nhân dân/Số căn cước công dân/Số căn cước/Số định danh cá nhân/Số hộ chiếu còn hạn sử dụng.
- (2). Ghi rõ văn bằng chuyên môn theo đơn của người đăng ký thực hành.
- (3). Họ và tên người chịu trách nhiệm chính trong việc hướng dẫn thực hành.
- (4). Nhận xét cụ thể về khả năng khám bệnh, chữa bệnh môn theo chuyên khoa đăng ký thực hành.
- (5). Nhận xét cụ thể về giao tiếp, ứng xử của người đăng ký thực hành đối với đồng nghiệp và người bệnh.